

# 0 601 9M5 0K1 – GDS 18V-350

|                                                 |               |
|-------------------------------------------------|---------------|
| mã sản phẩm                                     | 0 601 9M5 0K1 |
| EAN                                             | 4053423300925 |
| 2 x pin 4,0 Ah                                  | ✓             |
| Bộ sạc GAL 18V-20 Professional<br>2 607 226 281 | ✓             |
| Hộp mang                                        | ✓             |

## Thông tin kỹ thuật

### Thông tin về độ ồn/rung

|                                                         |                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mức ồn                                                  | Mức độ ồn ở định mức A của dụng cụ điện cầm tay thông thường như sau: Mức áp suất âm thanh 99 dB(A); Mức công suất âm thanh 107 dB(A). K bất định = 3 dB. |
| Kích thước dụng cụ (chiều rộng)                         | 73 mm                                                                                                                                                     |
| Kích thước dụng cụ (chiều dài)                          | 141 mm                                                                                                                                                    |
| Kích thước dụng cụ (chiều cao)                          | 210 mm                                                                                                                                                    |
| Tốc độ không tải                                        | 0-1.200 vòng/phút                                                                                                                                         |
| Điện áp pin                                             | 18.0 V                                                                                                                                                    |
| Bộ gá dụng cụ                                           | Vành ma sát vuông 1/2" và lỗ xuyên                                                                                                                        |
| Mô-men khởi động, tối đa                                | 560 Nm                                                                                                                                                    |
| Phạm vi điều chỉnh mô-men xoắn, tối thiểu/tối đa, mức 1 | 0/85 Nm                                                                                                                                                   |
| Phạm vi điều chỉnh mô-men xoắn, tối thiểu/tối đa, mức 2 | 0/200 Nm                                                                                                                                                  |
| Phạm vi điều chỉnh mô-men xoắn, tối thiểu/tối đa, mức 3 | 0/350 Nm                                                                                                                                                  |
| Tốc độ không tải (Mức 1)                                | 0-1.200 vòng/phút                                                                                                                                         |
| Tốc độ không tải (Mức 2)                                | 0-1.700 vòng/phút                                                                                                                                         |
| Tốc độ không tải (Mức 3)                                | 0-2.300 vòng/phút                                                                                                                                         |
| Các thiết lập mô-men xoắn                               | 3                                                                                                                                                         |
| Trọng lượng không bao gồm pin                           | 1.1 kg                                                                                                                                                    |
| Mô-men xoắn, tối đa.                                    | 350 Nm                                                                                                                                                    |
| Tỷ lệ va đập                                            | 0-3.400 bpm                                                                                                                                               |
| Tỷ lệ va đập (Mức 1)                                    | 0-1.800 bpm                                                                                                                                               |
| Tỷ lệ va đập (Mức 2)                                    | 0-2.600 bpm                                                                                                                                               |
| Tỷ lệ va đập (Mức 3)                                    | 0-3.400 bpm                                                                                                                                               |
| Cỡ in đậm                                               | M 10 – M 18                                                                                                                                               |
| BITURBO                                                 | Không                                                                                                                                                     |
| Dòng thương hiệu                                        | RBP - Pro                                                                                                                                                 |



## Thông tin kinh doanh

---

### Lợi ích người dùng

- Dễ sử dụng, hiệu quả và đa năng nhờ nhiều mức chỉnh lực siết và kiểm soát tốc độ
- Dụng cụ tiện dụng, mạnh mẽ với kích cỡ đầu nhỏ 131mm, hộp số nhỏ gọn và mô-tơ không chổi than hiệu quả
- Xử lý các bu lông lớn và nhỏ nhờ chức năng chọn lực siết 85Nm, 200Nm hoặc 350Nm
- Làm việc không bị gián đoạn với ít lần sạc lại hơn nhờ máy có thiết kế mức tiêu hao năng lượng thấp
- Lý tưởng để bắt bu lông vào ren